

VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN CỦA NGƯ DÂN LÀNG DIÊM PHỐ

VŨ VĂN TUYẾN*

Tóm tắt: Hoạt động khai thác hải sản của ngư dân trên biển có nhiều nét khác biệt, không chỉ so với hoạt động sản xuất của cư dân nông nghiệp, mà cả với việc đánh bắt thủy sản của ngư dân trong các sông, ngòi, đầm hồ rộng lớn trong nội đồng. Sự khác biệt này thể hiện trên nhiều khía cạnh: đầu tư cho sản xuất lớn, quá trình đánh bắt chịu tác động rất lớn và khắc nghiệt của ngư trường, của các yếu tố thời tiết trên biển. Vì vậy, hoạt động đánh bắt đòi hỏi tính cộng đồng rất cao, là một yếu tố rất quan trọng đảm bảo cho hiệu quả của quá trình khai thác. Bài viết nghiên cứu về tính cộng đồng trong hoạt động khai thác hải sản của ngư dân làng Diêm Phố, góp phần tìm hiểu những nét nổi bật về kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng cư dân ven biển, tạo cơ sở khoa học cho việc đề ra các chính sách giúp ngư dân khai thác có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên của biển đảo.

Từ khóa: làng Diêm Phố, ngư dân, đánh bắt hải sản, tính cộng đồng.

Abstract: Marine fishing activities possess distinct characteristics that differentiate them not only from the agricultural production systems of inland communities but also from freshwater fishing practices carried out in rivers, streams, and large ponds. These differences are evident in several critical aspects, including the substantial capital investment required, the operational risks associated with unpredictable marine environments, and the significant influence of fishing grounds and harsh weather conditions. As a result, off-shore fishing necessitates a high degree of community participation and collective effort, which are essential to ensuring both the efficiency and sustainability of resource exploitation. This study focuses on the role of community collaboration in marine fishing activities in Diem Pho village. It aims to contribute to a deeper understanding of the socio-economic and cultural dynamics of coastal communities. The research also seeks to provide a scientific foundation for the development of policies that support the effective and sustainable exploitation of marine resources by local fishermen.

Keywords: Diem Pho village, fishing communities, fishing activities, community.

1. Đặt vấn đề

Làng Diêm Phố (xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Làng được hình thành sau chiến thắng quân Nguyên lần thứ Hai, năm Ất Dậu (1285), do một số dòng họ từ vùng nội đồng ngoài Bắc di cư vào, trong đó, đầu tiên là họ Bùi từ vùng Hà Đông, họ Trần từ Kiến Xương (xưa đều thuộc Sơn Nam) đem theo nghề cá và nghề muối vào vùng Diêm Phố khẩn hoang lập ra.

Theo các bậc cao niên trong làng, Diêm Phố trước đây có nghề đánh cá và nghề làm muối. Do tác động của biển nên ruộng muối không còn, cũng không có

một mét vuông ruộng đất để trồng trọt, được đúc kết “Cây cấy không có, cây nhỏ cũng không”; nên dân làng chỉ sống bằng đánh bắt hải sản.

Diêm Phố là làng ngư nghiệp điển hình của tỉnh Thanh Hóa, với các đặc điểm: dân số đông, nhưng là xã bãi ngang ven biển, không có ngư trường gần, dân làng phải đi đánh bắt ở các ngư trường xa; các phương thức đánh bắt rất đa dạng, gắn với các loại lưới, ngư cụ khác nhau (gồm 2 vụ cá là vụ cá Bắc, từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau và vụ cá Nam, từ tháng 4 đến tháng 9).

Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, việc đánh bắt hải sản của ngư dân bị giảm sút, thể hiện ở số tàu: 338 chiếc (năm 2021), giảm xuống 306 chiếc (năm 2022), 260 chiếc (năm 2023), 253 chiếc (năm 2024). Sản lượng cá đánh bắt hàng năm cũng suy giảm theo (năm 2023 đạt 12.570 tấn, năm 2024 đạt 11.500 tấn). Mặc dù vậy, số đông ngư dân vẫn kiên trì bám biển, duy trì các hình thức đánh bắt. Yếu tố bảo đảm cho sự “thủy chung” với nghề của ngư dân, ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước, còn có tính cộng đồng trong đánh bắt hình thành từ bao đời.

2. Các nhân tố tác động đến tính cộng đồng trong đánh bắt hải sản

Đặc thù hoạt động nghề nghiệp, mưu sinh: với cư dân ngư nghiệp, hoạt động mưu sinh (các hình thức đánh bắt hải sản) diễn ra chủ yếu trên biển (trong lồng, ngoài khơi) và chỉ do nam giới đảm nhiệm, nữ giới hầu như không tham gia. Đặc thù của cơ cấu nghề nghiệp và công việc của ngư dân bao đời nay xoay quanh trục phân công lao động nam - nữ và dưới biển - trên bờ, trong đó vai trò của nam giới là chủ đạo và không thể thay thế như trong sản xuất nông nghiệp. Trong nông nghiệp, một số khâu mang tính chất chuyên biệt cho sự phân công lao động theo giới tính, như nam (cày, bừa), nữ (cấy), nhưng với hoạt động đánh bắt hải sản, hoàn toàn không có sự “chuyên hóa”. Đây là nét khác biệt rõ nhất trong phân công lao động của ngư dân chuyên nghề khai thác hải sản.

Một sự khác biệt khác của hoạt động mưu sinh của ngư dân là hầu hết các hình thức đánh bắt hải sản đều gồm nhiều công đoạn với các công việc nặng nhọc nên phải dựa vào sức mạnh tập thể, từng gia đình làm nghề đánh bắt không thể hoặc khó có thể tự tổ chức được sản xuất, mà phải liên kết với các gia đình khác. Nhiều hình thức đánh bắt, nhất là các hình thức đánh bắt xa bờ cần đông lao động. Ngay cả một khâu trong đánh bắt, chẳng hạn, kéo lưới lên để thu bắt cá, cũng cần có nhiều người khỏe mạnh với các động tác đều tay.

Tóm lại, sự hợp lực lao động giữa các gia đình để có đủ nhân lực đánh bắt là nét khác biệt nhất trong hoạt động mưu sinh của ngư dân, so với sản xuất nông nghiệp của nông dân. Nói một cách khác, tính độc lập, tự chủ, tự lực trong tổ chức sản xuất của gia đình nông nghiệp rất cao, chỉ vào những lúc mùa vụ căng thẳng (cấy, gặt), mới nhờ đến sự hợp tác, giúp sức của các gia đình khác (thường dưới dạng đổi công hoặc làm giúp).

Giá trị của con tàu (gắn với đầu máy và bộ ngư cụ): để đánh bắt được hải sản có hiệu quả, dù ở gần bờ, phải có một con tàu với bộ ngư cụ trị giá hàng tỷ đồng; còn để đánh bắt xa bờ, con tàu - bộ ngư cụ lên đến vài tỷ. Đối với ngư dân, không phải ai cũng có thể có nguồn vốn trên, nên buộc phải cùng góp vốn với nhiều người khác để đóng (hoặc mua) tàu, mua sắm ngư - lưới cụ. Để đánh bắt được dài ngày ở ngoài khơi, còn cần có các khoản chi phí (lương thực, thực phẩm, dầu máy, đá lạnh cùng nhiều vật dụng khác) cho mỗi chuyến, ước tính vài trăm triệu đồng). Đây cũng là yếu tố tác động đến tính cộng đồng của ngư dân.

Các hình thức đánh bắt hải sản của ngư dân đều phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố tự nhiên (nguồn hải sản, thời tiết từng mùa, từng ngày, chế độ sóng, thủy triều, mây mù, kỳ trăng sáng, đặc biệt là gió bão). Vùng biển Hậu Lộc có đặc điểm nổi bật là phần lớn thuộc vùng bãi ngang, nước sâu, không kín gió như ở vịnh Bắc Bộ, nên sóng rất to và dữ, thường xảy ra nhiều cơn bão lớn. Ngư dân thường xuyên phải đối mặt với nhiều yếu tố bất ngờ, nguy hiểm xảy ra, như bão tố, sóng biển với cường độ lớn... Nhiều trận bão tố, sóng biển gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản cho ngư dân. Nếu ở trong đất liền, khi gặp thiên tai (bão, lụt), cả cộng đồng cùng chung sức khắc phục thì với ngư dân, khi gặp sóng to, gió dữ, chỉ có một nhóm người trên chiếc thuyền (tàu) chống chọi giữa biển cả mênh mông đang nổi giận dữ dãn; số phận của họ và con tàu phó thác cho trời, cho số phận, cho may rủi... Yếu tố bất thường của tự nhiên đòi hỏi ngư dân phải có tính cộng đồng rất cao để chống chọi với thiên tai trong khi đánh bắt, khắc phục hậu quả sau thiên tai ở ngoài khơi và cả trong đất liền.

Yếu tố xã hội

Ngư dân ven biển Hậu Lộc sớm tụ cư thành các làng. Đó là thiết chế mang tính cộng đồng rất cao, biểu hiện cụ thể ở các quan hệ huyết thống, xóm giềng, trong các phong tục (cưới xin, tang ma), các hình thức thờ cúng, các lễ tiết trong năm, được thực hiện thông qua các thiết chế gia đình, dòng họ, các phường hội và cao nhất là cộng đồng làng. Tính cộng đồng của làng Việt được bảo tồn và được tăng cường, củng cố hơn ở ngư dân, khi phải đối mặt với một môi trường tự nhiên đầy khắc nghiệt của miền Trung, để sống được với các phương thức mưu sinh khác nhau, nhất là mưu sinh bằng đánh bắt hải sản vốn nhiều bấp bênh, nguy hiểm, đòi hỏi sự hợp tác của nhiều người. Ý thức về huyết thống, về các giá trị của làng ở cư dân ven biển và hải đảo miền

Trung nói chung, ngư dân nói riêng cũng rất đậm nét và sâu sắc.

Các yếu tố phong tục cũng có tác động lớn đến quan hệ xã hội và tính cộng đồng trong hoạt động đánh bắt xa bờ của ngư dân. Khi nam giới đi đánh bắt dài ngày ở ngoài khơi, vợ con, bố mẹ họ ở nhà luôn lo lắng cho sự bình yên của họ. Việc những người trong cùng làng, cùng họ hàng đi đánh bắt với nhau là một trợ lực tâm lý, tinh thần lớn cho họ; ngược lại, vợ con, bố mẹ họ ở nhà có điều kiện quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, nếu chẳng may ốm đau, hoạn nạn... đến với họ.

Tóm lại, hoạt động mưu sinh trên biển, nhất là ở ngoài khơi xa đòi hỏi ngư dân phải có các hình thức liên kết để duy trì sản xuất và các hoạt động liên quan. Cơ sở bảo đảm cho tính chặt chẽ và lâu bền của sự liên kết đó là lòng tin giữa con người. Các quan hệ huyết thống, xóm giềng, chính là các yếu tố bảo đảm vững chắc nhất cho sự liên kết đó.

3. Một số biểu hiện về tính cộng đồng của ngư dân trong đánh bắt hải sản của ngư dân làng Diêm Phố

Tính cộng đồng về huyết thống (cộng đồng dòng họ)

Tính cộng đồng này thể hiện rõ nét ở tất cả các hình thức, quan hệ sở hữu với con tàu và bộ ngư lưới cụ - cộng cụ lao động và là tài sản lớn nhất, quan trọng nhất của ngư dân, thể hiện cụ thể ở hai quan hệ và hình thức sở hữu là *chủ thuyền - bạn thuyền* và *"hùn"*.

Quan hệ *chủ thuyền - bạn thuyền* là quan hệ giữa một người có tiềm lực kinh tế, bỏ tiền đóng thuyền, sắm ngư - lưới cụ, chuẩn bị các nguyên vật liệu và cả lương thực, thực phẩm cho cả tốp những người cùng đi đánh bắt (bạn thuyền) ra khơi. Có thể lấy ví dụ điển hình là anh Hoàng Văn Hùng sinh năm 1990, đóng tàu theo Nghị định 67/CP năm 2014, từ năm 2016; tàu đóng hết 15,3 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng chỉ có 1,5 tỷ, số còn lại phải đi vay của ngân hàng, mỗi tháng phải trả lãi bình quân 60 triệu đồng. Thuyền của anh tập hợp hai người anh em là anh trai làm thuyền trưởng và anh họ là máy trưởng, số còn lại 7 người không có quan hệ họ hàng, chỉ là người cùng làng hoặc bạn bè (người làng khác). Giải thích vì sao phải chọn anh em ở hai vị trí then chốt của con tàu, anh Hùng cho rằng, con tàu mười mấy tỷ cộng với bộ ngư lưới cụ và các tài sản khác trên tàu, gần 20 tỷ; lại phải đảm bảo lãi cho mỗi chuyến đi mới có lương cho anh em thuyền viên, nên không thể giao cho "người lạ" được, chỉ có anh em mới hiểu và thương mình, lo cho mình một cách chu đáo,

không tính toán thiệt hơn. Đương nhiên, anh em đều là thuyền trưởng và lái máy có kinh nghiệm mới nhờ, còn nếu không có trình độ thì không thể nhờ được". Đáng lưu ý là chủ tàu phải bỏ tiền để nhân công đi học lấy chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, đủ điều kiện lái tàu ra khơi, vừa bảo đảm cho quyền lợi cho bạn thuyền, để hợp tác, gắn bó lâu dài với mình.

Tính cộng đồng thể hiện ở việc chia sản phẩm cho các thành viên tham gia đánh bắt. Cách chia tùy từng loại tàu - thuyền và hình thức đánh bắt, song nói chung mang tính bình quân cao. Sự khác biệt hay phần "hơn" của chủ tàu so với các thành viên khác chính là phần được chia theo "vốn" của con tàu và bộ ngư lưới cụ của ông ta sau khi trừ chi phí cho mỗi chuyến đánh bắt. Xin nêu một vài ví dụ:

Tàu của ông Nguyễn Văn Toàn (sinh năm 1972) có công suất 420 CV, đánh bắt vùng khơi, khu vực ngoài đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng). Trong chuyến đi đánh gần nhất với thời điểm chúng tôi điều tra (đầu tháng 12-2024), ông bỏ ra tổng chi phí 60 triệu đồng (50 triệu tiền xăng dầu, 10 triệu đồng tiền đá và ăn uống). Số tiền đánh bắt (10 ngày, gọi là một "kênh"), được 120 triệu đồng, trừ chi phí 60 triệu đồng, còn 60 triệu đồng, được chia làm 12 phần (7 phần của chủ tàu, 5 phần cho 5 lao động tham gia đánh bắt, mỗi người được 5 triệu đồng). Thuyền trưởng, máy trưởng cũng không được hơn (có thể nhận thêm một chút từ chủ tàu và đó là "tình cảm riêng" giữa họ, các bạn thuyền không biết, không được quan tâm).

Ngoài cách thức chia sản phẩm theo tỷ lệ "tàu 7 phần, công 5 phần", còn có cách thức "tàu 4, công 3", rất linh hoạt.

Các chủ tàu đều cho biết, việc được - thua của mỗi chuyến đi đánh bắt là đương nhiên, nên các thành viên trong hội thuyền đều chấp nhận, nhưng nếu chuyến nào chia bình quân không được 2 triệu đồng, chủ tàu vẫn phải bỏ tiền túi để mỗi người được nhận số tiền tối thiểu đó, nếu không thì bạn thuyền rất dễ bỏ sang chủ tàu khác. Điều đó đã trở thành thông lệ của các chủ tàu.

Trường hợp tàu của anh Hoàng Văn Hùng đã nêu ở trên, việc phân chia sản phẩm có điểm khác biệt. Tàu của anh có công suất lớn (829 CV), chuyên đánh bắt ở vùng biển Tây Nam, thuê 9 bạn thuyền (đều là người cùng làng và các làng lân cận) cùng đi đánh bắt. Hầu hết số bạn thuyền đã gắn bó với anh từ khi anh sắm được tàu (theo Nghị định 67-CP/2014) từ năm 2016. Tàu của anh hoạt động như một công ty.

Lương hằng tháng của mỗi lao động là 11 triệu đồng, tiền đi lại 5 triệu đồng/ tháng, mỗi tháng đi vào biển Tây Nam 21 ngày, tùy theo lịch con nước, những ngày chuẩn bị ra khơi hoặc khi đánh bắt trở về để chuẩn bị ra Bắc nghỉ ngơi được ăn nghỉ tại khách sạn. Chuyến đánh bắt nào thu được một tỷ đồng thì công lao động có thể lên đến 17-20 triệu đồng/ tháng. Tết Nguyên đán mừng tuổi mỗi người từ 3-5 triệu đồng, tùy theo thời gian đóng góp, người mới “nhập tàu” cũng được một triệu đồng. Sở dĩ anh có thể trả lương, thưởng cao như vậy cùng với một số ưu đãi khác, vì theo anh, muốn làm ăn lâu dài và có hiệu quả, cần phải làm cho các bạn thuyền gắn bó với mình và gắn kết thành một khối ổn định, có tinh thần hợp tác cao. Chế độ lương, thưởng là một trong những động lực cho sự gắn kết đó. Anh cho biết thêm “Gần chục năm đi biển, có được và không được, nhiều chuyến thua lỗ 50, hoặc 80 triệu đồng, nhưng cũng có chuyến lãi đến 500 triệu đồng. Mình lấy số lãi bù vào, thưởng cho anh em, anh em càng thông cảm với mình mà gắn kết làm việc”.

“Hùn” hay quan hệ “đậu thuyền chung lưới”

“Hùn” là việc nhiều người cùng góp vốn mua sắm thuyền (ngày nay là tàu) và ngư lưới cụ để cùng nhau đi đánh bắt và chia sản phẩm. Lãi lỗ sau mỗi chuyến đánh bắt được chia theo vốn đóng góp và ngày công tham gia, sau khi trừ hết các khoản chi phí.

Loại hình liên kết này phù hợp với điều kiện vốn và hoạt động đánh bắt của ngư dân. Tùy điều kiện kinh tế, mỗi ngư dân góp lượng vốn khác nhau, có thể một phần hay nhiều phần; song nhìn chung, những người tham gia hùn đều cố gắng góp lượng vốn như nhau để dễ chia sản phẩm, tạo ra sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, tính cộng đồng trong đánh bắt.

Hùn hay đậu thuyền - chung lưới là hình thức liên kết làm ăn các tàu với hình thức đánh bắt bằng lưới vây, chụp mực, câu khơi... Tùy loại tàu và loại ngư lưới cụ mà có số lượng thành viên góp vốn. Loại lưới vây cần ít người nhất từ 4 đến 6 người góp vốn, có khi nhiều hơn, phụ thuộc vào số vốn của những người tham gia. Các loại lưới chụp mực hay nghề câu mực ngoài khơi đều yêu cầu tăng thêm số lượng người đánh bắt, đồng nghĩa với tăng người góp vốn.

Những người góp vốn chung thuyền (tàu) gọi là một *hội thuyền*, thường là những người có quan hệ họ hàng, bạn bè cùng tuổi hoặc không hơn nhau là mấy, nhưng thân thiết, hiểu tính nết của nhau, nhưng không xung đột nhau về tính cách, để dễ đồng tâm, hợp sức làm ăn, đồng thuận khắc phục khó khăn, nhất là dễ thống nhất

phương hướng (ngư trường) đánh bắt, tiêu thụ sản phẩm... Trong số họ, cử một người có uy tín, có kinh nghiệm đi biển hoặc hoàn cảnh gia đình thuận lợi làm thuyền trưởng (ông lái). Ngày nay, những con tàu được nâng cấp hiện đại, để lái được tàu, phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng. Thuyền trưởng là người quyết định hướng, ngư trường, địa điểm và hình thức đánh bắt, phân công công việc cho các thành viên, giải quyết các quan hệ nội bộ của hội thuyền nếu có vấn đề xảy ra, đến việc giao lưu, kết nghĩa với các thuyền bạn. Thuyền trưởng cũng là người đứng ra giao dịch với chính quyền về các vấn đề có liên quan (đăng ký hành nghề, nộp thuế, mua bảo hiểm, đóng góp vào các nghi lễ của cộng đồng làng theo phong tục...). Trách nhiệm thì nhiều, nhưng thuyền trưởng cũng chỉ được hưởng quyền lợi như các thuyền viên, theo cổ phần đóng góp và công lao động. Thông thường, nếu tàu làm ăn có hiệu quả, thuyền trưởng được tín nhiệm làm tiếp; song nếu tàu đánh bắt không hiệu quả liên tục vài chuyến, phải bầu thuyền trưởng khác.

Trợ giúp thuyền trưởng có thuyền phó. Khi thuyền trưởng bị ốm đau hay có việc đột xuất phải vắng mặt, thuyền phó duy trì công việc của hội thuyền.

Các hội thuyền đều có quy ước về góp vốn, đóng góp công lao động và chia sản phẩm, thuê mượn thêm lao động đánh bắt, sử dụng quỹ, quy định về chế độ công xá (và cả việc thăm hỏi) các thành viên không tham gia đánh bắt khi bị ốm đau, tai nạn, tang ma, cưới xin hoặc việc riêng khác; việc định giá tài sản để phân chia khi có thành viên xin tách ra khỏi hội thuyền...

“Hùn” hay “đậu thuyền chung lưới” thể hiện nổi bật trong quan hệ huyết thống và liên huyết thống. Tuy nhiên, hình thức này không phổ biến ở làng Diêm Phố.

Tính cộng đồng trong hoạt động đánh bắt hải sản còn thể hiện ở hình thức già lộng ở ngư trường gần (sáng đi, chiều về). Mỗi thuyền đánh bắt có 2-3 người, có thể là anh em trong nhà, song nhiều trường hợp là người trong làng xóm, là bạn bè... Điều đặc biệt của hình thức này là nhiều khi phải liên kết với thuyền khác để vượt qua những chỗ nước nông, hoặc gặp khi sóng lớn bởi triều cường, có khi gặp đàn cá lớn, mới có thể đẩy thuyền đi được, hoặc mới “lùa, thu” được đàn cá.

Tính cộng đồng trong hoạt động của nghề cá còn thể hiện ở các chủ hộ làm dịch vụ cho nghề, như dịch vụ xăng dầu, dịch vụ đá, lương thực, thực phẩm hay tiêu thụ sản phẩm.

(xem tiếp trang 28)

vươn ra toàn cầu: K-Pop và làn sóng Hàn Quốc), In *Korean Social Science Journal*, XXXIV No.1 (2007), tr.117, 118.

6. Sanya Anand and David Seyheon Baek, *Understanding Hallyu: The Impact of Korean Pop Culture (Hiểu về Hallyu: Tác động của văn hóa đại chúng Hàn Quốc)*, *The Marketing Journal*, March 13, 2024.

8, 9, 10, 11. Kim Bok-rae, *Past, present and future of Hallyu (Korean Wave) (Quá khứ, hiện tại và tương lai của Hallyu (Làn sóng Hàn Quốc))*, In *American International Journal of Contemporary Research*, Vol. 5, No. 5, October 2015, tr.154,157-159,160,158.

12. Phan Thị Thu Hiền, *Văn hóa đại chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, 2023, tr.81.

14. Phạm Đức Dương, *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2013, tr.162.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thu Thủy, *Popular culture and transformation of student's cultural practices in Ho Chi Minh city nowadays (Văn hóa đại chúng và sự chuyển đổi trong thực hành văn hóa của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay)*, In *International Journal of Slavic Studies*, 2025, tr.147-165.

2. Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Thị Thanh Thủy, *Giáo trình văn hóa đại chúng* (Bản thảo), Trường Đại học Văn hóa TP.HCM, 2022.

3. Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Thị Loan Anh, *Văn hóa đại chúng với văn hóa Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, 2015.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 25-8-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 15-9-2025; Ngày duyệt bài: 30-9-2025.

VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG...

(tiếp theo trang 22)

Toàn xã Ngự Lộc (nay là xã Vạn Lộc) đến cuối năm 2024 có hơn 80 chủ cơ sở dịch vụ cho nghề (không kể các dịch vụ sửa chữa tàu), chủ các dịch vụ này cho các tàu mua chịu xăng dầu, đá, lương thực... tàu khi đi đánh bắt về, chủ tàu sẽ thanh toán trả số tiền theo số hàng đã ứng trước (gọi là *ăn ứng*). Theo các chủ cơ sở dịch vụ và các chủ tàu, việc ăn ứng này thể hiện tính cộng đồng rất cao của ngư dân, hai bên dựa vào nhau để tồn tại và phát triển, tin tưởng, hợp tác với nhau, thanh toán đầy đủ các khoản nợ sau mỗi chuyến đánh bắt.

4. Kết luận

Hoạt động đánh bắt hải sản hiện nay của ngư dân làng Diêm Phố khá đa dạng, song đòi hỏi nguồn vốn lớn, sự hợp lực, hợp tác giữa các lao động, do yêu cầu của việc đánh bắt, mà còn để đối phó với những bất thường của thời tiết, ngư trường khi đánh bắt. Đây là cơ sở cho sự hình thành tính cộng đồng trong đánh bắt của ngư dân.

Tính cộng đồng trong đánh bắt được thể hiện ở nhiều hình thức, trong đó, nổi bật hơn cả là quan hệ chủ tàu - bạn thuyền - hình thức phổ biến của ngư dân ven biển Trung và Nam Trung Bộ. Điều này cho thấy nghề cá làng Diêm Phố có bước phát triển; song vẫn giữ được truyền thống đoàn kết, đùm bọc, cộng đồng của ngư dân. Tính cộng đồng còn thể hiện ở một số hình thức đánh bắt khác.

Tuy nhiên, hiện nay, ngư dân đang gặp nhiều khó khăn về ngư trường, về vốn và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt, là do quan hệ tình cảm của truyền thống tuy có mặt tích cực trong việc giúp ngư dân hỗ trợ sản xuất, song lại không có cơ sở pháp lý đi cùng, nên nhiều người đã lợi dụng để trục lợi, khiến cho hoạt động dịch vụ nghề cá bị suy giảm, ảnh hưởng đến việc đánh bắt của các chủ tàu. Đây là điều cần được chính quyền địa phương quan tâm tháo gỡ■

V.V.T

Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy, UBND xã Ngự Lộc, *Địa chí Diêm Phố - Ngự Lộc*, Sở Văn hóa - Thông tin Thanh Hóa, 1992.

2. Bùi Xuân Đính - Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên), *Đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa - góc nhìn dân tộc học*, Nxb Khoa học xã hội, 2018.

3. Nguyễn Thị Việt Hưng, *Chuyển biến kinh tế làng Diêm Phố, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1986 đến nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2-2016, tr.78-82.

4. Phạm Văn Tuấn, *Làng biển Diêm Phố - Ngự Lộc*, trong *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2006*, Nxb Khoa học xã hội, 2007.

5. UBND xã Ngự Lộc, *Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội các năm 2021 - 2024*.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 8-8-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 18-9-2025; Ngày duyệt bài: 28-9-2025.